**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH

-------------------------o0o---------------------------

**BÀI TIỂU LUẬN KINH TẾ CHÍNH MÁC– LÊNIN**

**NHÓM 12**

**ĐỀ TÀI: PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN VỀ NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ ? NÊU Ý NGHĨA THỰC TIỄN.**

**Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Tuyền**

**Nhóm trưởng: Đinh Văn Thức**

**Điện thoại: 0934309001**

**Email: 20010927@st.phenikaa-uni.edu.vn**

**Thành viên:**

1. Nguyễn Trọng Tiến
2. Đinh Văn Thức
3. Nguyễn Viết Tuấn
4. Trần Thị Ánh Tuyết
5. Nguyễn Văn Tuyền
6. Nguyễn Thị Tỉnh
7. Bùi Anh Tú
8. Hồ Anh Tú
9. Lê Hoàng Ngọc Tú
10. Lê Thị Ánh Tuyết

**Hà Nội, tháng 9 năm 2021**

**MỤC LỤC**

[I. LỜI MỞ ĐẦU 4](#_Toc84169270)

[II. PHẦN NỘI DUNG 4](#_Toc84169271)

[1. Cơ sở lý thuyết 4](#_Toc84169272)

[2. Ý nghĩa phương pháp luận 5](#_Toc84169273)

[3. Khái quát về giá trị thặng dư trong nền sản xuất hàng hoá TBCN 5](#_Toc84169274)

[3.1. Khái Niệm 5](#_Toc84169275)

[3.2. Bản chất của giá trị thặng dư 6](#_Toc84169276)

[4. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 7](#_Toc84169277)

[4.1. Công thức chung của tư bản 7](#_Toc84169278)

[4.2. Hàng hóa sức lao động 8](#_Toc84169279)

[4.3 Sự sản xuất giá trị thặng dư 9](#_Toc84169280)

[4.4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến 10](#_Toc84169281)

[4.5. Tiền công 11](#_Toc84169282)

[5. Ý nghĩa thực tiễn của thuyết GTTD 12](#_Toc84169283)

[6. Liên hệ thực tế 14](#_Toc84169284)

[7. Ví dụ 14](#_Toc84169285)

[8. Kết luận 15](#_Toc84169286)

[III. TÀI LIỆU THAM KHẢO 16](#_Toc84169287)

# **I. LỜI MỞ ĐẦU**

Giá trị thăng dư là mục tiêu của các nhà tư bản, là điều kiện tồn tại và pháttriển của tư bản. Sản xuất tư bản chủ nghĩa là sản xuất hàng hóa theo quy mô lớn.Đó là sự kết hợp của ba quá trình: sản xuất ra giá trị sử dụng, sản xuất ra giá trị vàsản xuất ra giá trị thặng dư – đây là mục đích tuyệt đối hóa của Tư bản chủ nghĩa.Chính vì thế, để đạt được mục đích tối đa của mình, họ đã mua sức lao động của người công nhân kết hợp với tư liệu sản xuất để sản xuất ra sản phẩm và thu về giá trị thặng dư.Bất kỳ một nền sản xuất nào muốn phát triển được, muốn đáp ứng nhu cầucủa con người về điều kiện sống đều phải tái sản xuất, mở rộng và phải tạo ra được sản phẩm thặng dư. Bởi mức độ giàu có của xã hội tuỳ thuộc vào khối lượng sảnphẩm thặng dư. Xã hội càng phát triển thì sản phẩm thặng dư càng nhiều. Song trong mọi xã hội, sản phẩm thặng dư bán trên thị trường đều có giá trị, nhưng chỉ có ở nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thì giá trị của sản phẩm thặng dư mới là giá trịthặng dư. Từ đó có thể khẳng định sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Cho nên để nghiên cứu giá trị thặng dư, ta chỉ nghiên cứunền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vậy vấn đề cần đặt ra là giá trị thặng dư là gì ?Nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư ? Các hình thức chuyển hoá của giá trịthặng dư ? Đây là một vấn đề có tầm quan trọng rất lớn. Việc nghiên cứu nó phải đượcxuất phát từ các quan điểm đúng đắn của học thuyết Mác và thực tiễn. Vì vậy mà em đã chọn đề tài “Phân tích quan điểm kinh tế chính trị Mác – Lênin về nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư? Nêu ý nghĩa thực tiễn” cho bài tiểu luận của mình.Với những hiểu biết đang còn nhiều hạn chế và trong phạm vi đề tài cho phép, em rất mong nhận được sự giúp đỡ chỉ dẫn của thầy cô giáo về những sai sóttrong bài làm để bài viết sau của em được tốt hơn.

# **II. PHẦN NỘI DUNG**

## 1. Cơ sở lý thuyết

Mác viết:”Tôi là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao độngbiểu hiện trong hàng hoá. Sở dĩ hàng hoá có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giátrị lao động vì lao động sản xuất hàng hoá có tính hai mặt là lao động cụ thể và laođộng trừu tượng.Theo Các Mác, lao động cụ thể là lao động hao phí dưới một hình thức cụthể của một nghề nghiệp chuyên môn nhất định, có mục đích riêng, đối tượng riêng,thao tác riêng, phương tiện riêng và kết quả riêng. Kết quả của lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hoá. Lao động cụ thể càng nhiều loại thì giá trị sử dụng cũng có nhiều loại. Tất cả các lao động cụ thểhợp thành hệ thống phân công xã hội ngày càng chi tiết. Lao động cụ thể là mộtphạm trù vĩnh viễn, là điều kiện không thể thiếu được trong mọi điều kiện của xã hội.Lao động của người sản xuất hàng hoá nếu coi là hao phí sức lực của con người nói chung, không kể hình thức cụ thể của nó như thế nào gọi là lao động trừu tượng. Lao động bao giờ cũng là hao phí sức óc, sức thần kinh và bắp thịt của con người. Nhưng bản thân sự lao động về mặt sinh lý đó chưa phải là lao động . Chỉ trong xã hội có sản xuất hàng hoá mới có sự cần thiết khách quan phải quy các loại lao động cụ thể khác nhau vốn không thể so sánh được với nhau thứ lao động đồng nhất có thể so sánh với nhau được tức là phải quy lao động cụ thể thành lao động trừu tượng. Vì vây lao động trừu tượng là một phạm trù lịchsử. Lao động trừu tượng tạo ra giá trị của hàng hoá. Trong nền sản xuất hàng hoá đơn giản, tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá là sự biểu hiện của mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội của những người sản xuất hàng hoá. Đó là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hànghoá đơn giản. Mâu thuẫn này còn biểu hiên ở lao động cụ thể với lao động trừu tượng ở giá trị sử dụng với giá trị hàng hoá. “Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá là điểm mấu chốt để hiểu biết kinh tế chính trị học”. Nó là sự phát triển vượt bậc so với các học thuyết kinh tế cổ đại.

## 2. Ý nghĩa phương pháp luận

Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa, do vậy mà

các nhà tư bản dùng nhiều phương pháp để tăng khối lượng giá trị thặng dư. Những

phương pháp cơ bản để đạt được mục đích đó là tạo ra giá trị thặng dư tuyệt đối và

tạo ra giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch.

**3. Khái quát về giá trị thặng dư trong nền sản xuất hàng hoá TBCN**

*3.1. Khái Niệm*

Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị.

Để có được giá trị thặng dư, nền sản xuất xã hội phải đạt đến một trình độ nhất định. Trình độ đó phản ánh, người lao động chỉ phải hao phí một phần thời gian lao động (trong thời gian lao động đã được thỏa thuận mua bán theo nguyên tắc ngang giá) là có thể bù đắp được giá trị hàng hóa sức lao động, bộ phận này là thời gian lao động tất yếu.

Ngoài thời gian tất yếu đó, vẫn trong nguyên tắc ngang giá đã thoả thuận, người lao động phải làm việc trong sự quản lý của người mua hàng hóa sức lao động, và sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản, thời gian đó là thời gian lao động thặng dư.

*3.2. Bản chất của giá trị thặng dư*

Nghiên cứu về nguồn gốc của giá trị thặng dư trên đây cho chúng ta thấy, giá trị thặng dư, như vậy, là kết quả của sự hao phí sức lao động trong sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị.

Quả trình đó được diễn ra trong quan hệ xã hội giữa người mua hàng hóa sức lao động với người bán hàng hóa sức lao động.

Do đó, nếu giả định xã hội chỉ có hai giai cấp, là giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, thi giá giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mang bản chất kinh tế - xã hội là quan hệ giai cấp. Trong dó, giai cấp các nhà tu bản làm giàu dua trên cơ sở thuê mướn lao dộng của giai cấp công nhân.

Ở đó, mục đích của nhà tư bản là giá trị thặng du, ngưoi lao động làm thuê phải bán sức lao động cho nhà tư bản ấy.

Sinh thời, chứng kiến cảnh người lao động bị áp bức lao động với tiền công rẻ mạt, trong khi nhà tư bản thì không ngừng giàu có, C.Mác nhận thấy có một sự bất công sâu sắc về mặt xã hội. C.Mác gọi đó là hệ bóc lột, mặc dù về mặt kinh tế, nhà tư bản không vi phạm quy luật kinh tế về trao đổi ngang giá (ví dụ về sự sản xuất giá trị thặng dư nêu trên cho thấy, nhà tư bản đã trả cho công nhân đúng bằng giá trị hàng hóa sức lao động, nhà tư bản tuân thủ quy luật giá trị) .

Sự giải thích khoa học của C.Mác ở đây đã vượt hăn so với các nhà kinh tế trước đó. Tính khoa học thế hiện ở chỗ, C.Mác đã mô tả được một thực tế, nhà tư bản đã không vi phạm quy luật kinh tế về trao đổi ngang giá thông qua ký hợp đồng thỏa thuận với người lao động làm thuê, song trong trao đổi ngang giá dó, giá trị thặng dư vẫn đưoc tạo ra cho nhà tư bàn bằng lao động sống chứ không phải do máy móc sinh ra.

Trong điều kiện ngày nay, quan hệ đó vẫn đang diễn ra nhưng với trình độ và mức độ rất khác, rất tinh vi và dưới hình thức văn minh hơn so với cách mà nhà bản đã từng thực hiện trong thế kỷ XIX.

Để hiểu sâu hơn bản chất của giá trị thặng dư, C.Mác làm rõ hai phạm trù tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư.

Mục đích của nhà tư bản trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không những chỉ dừng lại ở mức có được giá trị thặng dư, mà quan trọng là phải thu được nhiều giá trị thặng dư, do đó cần có thước đo để đo lường giá trị thặng dư về lượng.

Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biển để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.

- Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là:

*M’=(m/v)\*100%*

Trong đó : M’ là tỷ suất giá trị thăng dư,

m là giá trị thặng dư,

v tư bản khả biển .

Tỷ suất giá trị thặng du cũng có thể tính theo tỷ lệ phần trăm giữa thời gian lao động thặng dư(t’) và thời gian lao động tất yếu(t).

*M’=(t’/t)\*100%*

Khối lượng giá trị thặng dư là lượng giá trị thặn du bằng tiền mà nhà tư bản thu được.

- Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là:

*M= m’. V*

Trong đó : M là hối lượng giá trị thặng dư,

V là tổng tư bản khả biến.

Tỷ suất giá trị thặng du phản ánh trình độ khai thác sức lao động làm thuê; khối lượng giá trị thặng dư phản ánh quy mô giá trị thặng dư mà chủ sở hữu tư liệu sản xuất thu được.

**4. Nguồn gốc của giá trị thặng dư**

*4.1. Công thức chung của tư bản*

Để tìm ra công thức chung của tư bản cần xem xét vai trò của tiền trong lưu thông hàng hóa giản đơn tiền trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa .

- Tiền trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn vận động trong quan hệ H – T – H .

- Tiền trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vận động trong quan hệ T -H – T .

Điểm khác nhau cơ bản giữa hai hình thức vận động nêu trên thế hiện ở mục đích của quá trình lưu thông . Mục đích trong lưu thông hàng hóa giản đơn là giá trị sử dụng . Mục đích trong lưu thông tư bản là giá trị lớn hơn vì nếu không thu được lượng giá trị lớn hơn thì sự lưu thông này không có ý nghĩa . Do vậy , tư bản vận động theo công thức :

*T – H – T*

Hay đây là công thức chung của tư bản . Các hình thái tư bản đều vận động theo công thức này.

Trong đó : T’= T + t (t>0).

Số tiền trội ra lớn hơn được gọi là giá trị thặng dư , số tiền ứng ra bạn đầu với mục đích thu được giá trị thặng dư trở thành tư bản . Tiền biến thành tư bản khi được dùng để mang lại giá trị thặng dư .

Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư . Nguồn gốc của giá trị thặng dư từ đâu mà có ?

Việc mua , bán hàng hóa thấp hơn hoặc bằng giá trị sẽ không có giá trị tăng thêm , nếu người mua hàng hóa để rồi bản hàng hóa đó cao hơn giá trị thì chỉ được lợi xét về người bán , nhưng xét về người mua thì lại bị thiệt Trong nền kinh tế thị trường , mỗi người đều đóng vai trò là người bán đồng thời cũng là người mua . Cho nên , nếu được lợi khi bán thì lại bị thiệt khi mua . Lưu thông ( mua , bán thông thường ) không tạo ra giá trị tăng thêm ) xét trên phạm vi xã hội .

Bí mật ở đây là nhà tư bản đã mua được một loại hàng hóa đặc biệt nào đó mà trong quá trình sử dụng loại hàng hóa này , giá trị của nó không những được bảo tồn mà còn tạo ra được giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó . Đó là hàng hóa sức lao động.

*4.2. Hàng hóa sức lao động*

C.Mác viết : “ Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể , trong một con người đang sống , và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giả trị sử dụng nào đó ” .

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa :

Thứ nhất , người lao động được tự do về thân thể .

Thứ hai , người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán , cho nên họ phải bản sức lao động .

- Thuộc tính của hàng hóa sức lao động :

Hàng hóa sức lao động cũng có hai thuộc tính : giá trị và giá trị sử dụng .

+ Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định .

Sức lao động chỉ tồn tại như năng lực con người sống , muốn tải sản xuất ra năng lực đó người lao động phải tiêu dùng một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định .

Do vậy , thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt ấy . Diễn đạt theo cách khác , giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị các tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động .

Giá trị của hàng hóa sức lao động do các bộ phận sau đây thành :

Thứ nhất , giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết ( cả vật chất , tinh thần ) để tái sản xuất ra sức lao động .

Thứ hai là , phí tổn đào tạo người lao động .

Thứ ba , giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết ( vật chất và tinh thần ) nuôi con của người lao động .

Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên .

+ Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng là để thỏa mãn nhu cầu của người mua.

Người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn , giá trị tăng thêm . Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được thể hiện trong quá trình sử dụng sức lao động .

Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt , nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử . Hơn thế , giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không hàng hóa thông thường nào có được , đó là trong khi sử dụng nó , không những giá trị của nó được bảo tồn mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn . Đây chính là chìa khóa chi rõ nguồn gốc của giá trị lớn hơn nêu trên do đâu mà có .

Nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có .

*4.3 Sự sản xuất giá trị thặng dư*

Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị . Để có được giá trị thặng dư , nền sản xuất xã hội phải đạt đến một trình độ nhất định . Trình độ đó phản ánh , người lao động chỉ phải hao phí một phần thời gian lao động ( trong thời gian lao động đã được thỏa thuận mua bán theo nguyên tắc ngang giá ) là có thể bù đắp được giá trị hàng hóa sức lao động , bộ phận này là thời gian lao động tất yếu .

Ngoài thời gian tất yếu đỏ , vẫn trong nguyên tắc ngang giá đã thỏa thuận , người lao động phải làm việc trong sự quản lý của người mua hàng hóa sức lao động , và sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản , thời gian đó là thời gian lao động thặng dư.

Như vậy , đến đây có thể khái quát : tự bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư , Quá trình sản xuất giá trị thặng dư , xét từ phía nhà tư bản , là quá trình ứng ra và sử dụng tư bản với tư cách là giá trị mang lại giá trị thặng dư . Để tiến hành sản xuất , nhà tư bản phải ứng tư bản ra mua tư liệu sản xuất và sức lao động .

Để khẳng định rõ hơn nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động tạo ra , cần phân tích vai trò của tư liệu sản xuất trong mối quan hệ với người lao động trong quá trình làm tăng giá trị . Việc phân tích này được C.Mác nghiên cứu dưới nội hàm của hai thuật ngữ : Tư bản bất biến và tư bản khả biến .

*4.4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến*

Để tiến hành sản xuất , nhà tư bản cần mua tư liệu sản xuất và hàng hóa sức lao động.

- Tư bản bất biến :

Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm , tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất được C.Mác gọi là tư bản bất biến ( ký hiệu là c ) .

Tư bản bất biến không tạo ra giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết để cho quá trình tạo ra giá trị thặng dư được diễn ra .

Máy móc dù hiện đại , dù được tự động hóa thì vai trò của nó , C.Mác so sánh , giống như vai trò của chiếc bình thủy tinh trong thí nghiệm phản ứng hóa học , Máy móc , nguyên nhiên vật liệu là điều kiện để cho quá trình làm tăng giá trị được diễn ra . Không có máy móc , không có quá trình tổ chức kinh doanh thì đương nhiên không có quá trình sản xuất giá trị thặng dư .

Ngày nay máy móc được tự động hóa như người máy , thì người máy cũng chỉ có vai trò máy móc , chừng nào việc sử dụng sức lao động còn có lợi hơn cho người mua hàng hóa sức lao động so với sử dụng người máy , thì chừng đó nhà tư bản còn sử dụng sức lao động sống của người bản sức lao động làm thuê . Tuy nhiên , cần lưu ý , việc ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất là tiền đề để tăng năng suất lao động xã hội , do đó , máy móc , công nghệ tiên tiến rất cần thiết cho quá trình làm tăng giá trị .

- Tư bản khả biến :

Bộ phận tư bản dùng để mua hàng hóa sức lao động thì khác . Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê , biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình tái sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê . Tuy nhi , trong quá trình sản xuất , công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động .

Vậy , C.Mác kết luận , bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thải sức lao động không tải hiện ra , nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên , tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất , được Mặc gọi là tư bản khả biến ( ký hiệu là v).

Như vậy , đến đây , nếu gọi G là giá trị hàng hóa thì có thể công thức hóa về giá trị hàng hóa dưới dạng như sau :

*G = c + ( v + m )*

Trong đó : ( v + m ) là bộ phận giá trị mới của hàng hóa , hao phi lao động tạo ra ; c là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng , là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc , nguyên nhiên vật liệu . Bộ phận này được chuyển vào giá trị sản phẩm mới .

*4.5. Tiền công*

Tiền công là giá cả của hàng hóa sức lao động . Đó là bộ phận của giá trị mới do chính hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tạo ra , nhưng nó lại thường được hiểu là do người mua sức lao động trả cho người lao động làm thuê .

Cứ sau một thời gian lao động nhất định , người lao động làm thuê được trả một khoản tiền công nhất định . Điều đó thậm chí làm cho người lao động cũng nhầm hiểu là người mua sức lao động đã trả công cho mình .

Trái lại , nguồn gốc của tiền công chính là do hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tự trả cho mình thông qua sổ sách của người mua hàng hóa sức lao động mà thôi.

Cần nhấn mạnh điểm này để người lao động cũng như người chủ mua hàng hóa sức lao động phải đặt địa vị của mỗi bên trong một quan hệ lợi ích thống nhất . Nếu tự khởi nghiệp , lập doanh nghiệp và mua hàng hóa sức lao động thì cũng cần phải đối xử với người lao động thật trách nhiệm vì người lao động đang là nguồn gốc cho sự giàu có của mình . Trái lại , nếu phải bán hàng hóa sức lao động thì cần phải biết bảo vệ lợi ích của bản thân trong quan hệ lợi ích với người mua hàng hóa sức lao động.

Lưu ý , khi khẳng định nguồn gốc của giá trị thặng dư là do lao động của người lao động làm thuê hao phí tạo ra thì không có nghĩa là người mua hàng hóa sức lao động đã thu được ngay giá trị thặng dư dưới dạng hình thái tiền . Trái lại , để thu được giá trị thặng dư dưới hình thái tiền , gọi là thực hiện giá trị thặng dư , thì hàng hóa được sản xuất ra ấy phải được bản đi , nghĩa là nó phải được thị trường chấp nhận . Khi hàng hóa không bản được , chủ doanh nghiệp sẽ bị phá sản .

Vì vậy , C.Mác nhấn mạnh , để có giá trị thặng dư , nhà tư bản không những cần phải thực hiện quá trình sản xuất giá trị thặng dư , mà còn cần phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình đó và thực hiện giá trị , giá trị thặng dư chứa đựng trong những hàng hóa đã được sản xuất ra . Tổng thể những hoạt động đó biểu hiện sự vận động tuần hoàn , chu chuyển của tư bản.

## 5. Ý nghĩa thực tiễn của thuyết GTTD

Học thuyết GTTD cho thấy rõ bản chất và đặc điểm bóc lột của TBCN. Kinh tế hàng hóa TBCN là sự phát triển của kinh tế hàng hóa giản đơn. Nhưng, kinh tế hàng hóa TBCN khác với kinh tế hàng hóa giản đơn không chỉ về lượng (tức là không phải chỉ khác ở số lượng lớn sản phẩm bị thu hút vào chu chuyển hàng hóa và hình thái hàng hóa của sản phẩm trở thành hình thái thống trị) mà còn khác về chất. Trên vũ đài hàng hóa xuất hiện một loại hàng hóa mới là sức lao động, do đó, thị trường hàng hóa (nói chung) được bổ sung bằng một bộ phận đặc biệt là thị trường sức lao động. Tất nhiên, thị trường sức lao động không phải do C. Mác khám phá ra, vì ai cũng biết đến sự tồn tại của lao động làm thuê trong các xã hội trước TBCN. Nhưng điểm nhấn là ở chỗ, chỉ có C. Mác mới nhìn thấy lao động làm thuê (hàng hóa sức lao động và chỉ trên cơ sở sản xuất hàng hóa, lao động bị tách khỏi tư liệu sản xuất (TLSX) mới trở thành lao động làm thuê) là một nhân tố cơ bản làm cho tiền chuyển hóa thành tư bản và kinh tế hàng hóa giản đơn chuyển hóa thành kinh tế hàng hóa TBCN – thời đại mới của quá trình sản xuất xã hội, thời đại của tư bản công nghiệp.

Phương thức sản xuất TBCN được xây dựng trên cơ sở của một hình thức bóc lột đặc biệt, tức là hình thức chiếm đoạt lao động của người khác (lao động thặng dư) dưới hình thái GTTD. Khác với phạm trù “lợi nhuận” vốn được nhà tư bản yêu thích, GTTD biểu hiện một cách chính xác như sau: 1- Là giá trị, tức lao động vật hóa; 2- Là lao động thặng dư vật hóa, là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động và bị nhà tư bản chiếm dụng. Từ đó, đặc điểm bóc lột của CNTB không phải là ở sự tồn tại lao động thặng dư, mặc dù dưới sự thống trị của tư bản, trình độ bóc lột được nâng lên rất cao, mà đặc điểm của nó là lao động thặng dư đã hao phí mang hình thái GTTD, còn tỷ lệ giữa thời gian lao động thặng dư và thời gian lao động tất yếu thì mang hình thái tỷ lệ giữa GTTD và tư bản khả biến. Quan hệ bóc lột bị vật hóa, bị che lấp đằng sau quan hệ giữa vật với vật. Vì thế, sự bóc lột trong chủ nghĩa tư bản (CNTB) là rất tinh vi và không có giới hạn.

Như vậy ý nghĩa thực tiễn Của thuyết GTTD là:

- Thứ nhất, chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị của hàng hóa, tạo ra GTTD. Nguồn gốc tạo ra GTTD là sức lao động của công nhân làm thuê, chỉ có lao động sống (sức lao động đang hoạt động) mới tạo ra giá trị, trong đó có GTTD, nguồn gốc của GTTD là sự tiêu dùng sức lao động kéo dài ngoài thời gian tái sản xuất ra giá trị của nó

- Thứ hai, phải tập trung nhấn mạnh, coi trọng việc tăng năng suất lao động và trước hết là ở những ngành sản xuất tư liệu sản xuất và những ngành thuộc sản xuất tư liệu sinh hoạt. Thời gian lao động cần thiết ở đây chính là thời gian bù lại những giá trị của tư liệu sinh hoạt cần thiết nhằm mở rộng, tái sản xuất sức lao động. Do vậy, muốn nhanh chóng rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết dẫn đến kéo dài thêm thời gian lao động thặng dư để làm tăng giá trị thặng dư thì cần phải hạ thấp giá của trị tư liệu sinh hoạt bằng cách làm tăng năng suất lao động và trước hết là ở những ngành sản xuất tư liệu về sinh hoạt để từ đó cải thiện hơn nữa đời sống của người lao động, góp phần làm tăng giá trị thặng dư tương đối nhằm tăng thêm nguồn tích lũy để có thể tiếp tục mở rộng tái sản xuất và đầu tư thêm vào nhiều các ngành nghề khác nhau theo mong muốn.

- Thứ ba, cần nhận thức rõ ràng và đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của nhân tố vật chất và nhân tố con người trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra giá trị thặng dư. Quá trình sản xuất hàng hóa là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình làm tăng giá trị. Quá trình lao động của công nhân lao động tạo ra các giá trị sử dụng. Sức sản xuất lao động của người công nhân lao động càng cao thì sẽ càng tạo ra được nhiều giá trị sử dụng trong một đơn vị thời gian nhất định. Sức sản xuất của người lao động được quyết định, chi phối bởi nhiều những yếu tố khác nhau như mức độ áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất, trình độ khéo léo trung bình của công nhân … Bởi vậy, muốn có nhiều của cải, nhiều giá trị sử dụng cần phải coi trọng giáo dục đào tạo, coi trọng khoa học công nghệ, cải tiến tổ chức và quản lý.

- Thứ tư, GTTD là quy luật kinh tế tuyệt đối của phương thức sản xuất TBCN, không có sản xuất GTTD thì không có CNTB, GTTD là nguồn gốc của mâu thuẫn cơ bản, nội tại của xã hội tư bản (mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân), mâu thuẫn này ngày càng sâu sắc, đưa đến sự thay thế tất yếu CNTB bằng một xã hội cao hơn.

- Thứ năm, chừng nào còn chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về TLSX, còn hàng hóa sức lao động, chừng nào mà người lao động còn phải thêm vào thời gian lao động cần thiết để nuôi sống mình một số thời gian lao động dôi ra để sản xuất những tư liệu sinh hoạt cho người chiếm hữu TLSX, chừng đó, học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác vẫn còn nguyên giá trị.

Mặt khác, cũng phải bảo vệ những quyền chính đáng của cả người lao động lẫn giới chủ sử dụng lao động bằng luật và bằng các chế tài thật cụ thể mới bảo đảm công khai, minh bạch và bền vững. Những mâu thuẫn về lợi ích trong quá trình sử dụng lao động là một thực tế, việc phân xử các mâu thuẫn ấy như thế nào để tránh những xung đột không cần thiết cũng lại là một yêu cầu cấp thiết hiện nay, thể hiện trong bản chất của chế độ mới. Bảo vệ được những quyền lợi chính đáng, những quyền lợi được luật pháp bảo vệ, của tất cả các bên trong quan hệ lao động là một bảo đảm cho việc vận dụng một cách hợp lý quan hệ bóc lột trong điều kiện hiện nay, đồng thời cũng là những đóng góp cơ bản nhất cho cả quá trình hoàn thiện và xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

## 6. Liên hệ thực tế

Nếu sản xuất 10 kg sợi cần 10 kg bông, giá 10 kg bông là 10 đô. Để biến số bông đó thành sợi, một công nhân phải lao động trong 6 giờ và hao mòn máy móc là 2 đô; giá trị sức lao động trong một ngày của người công nhân là 3 đô; trong một giờ lao động người công nhân đã tạo ra một giá trị là 0.5 đô; cuối cùng, ta giả định rằng trong quá trình sản xuất sợi đã hao phí theo thời gian lao động xã hội cần thiết.

Như vậy, nếu như quá trình lao động kéo dài đến cái điểm mà ở đó bù đắp được giá trị sức lao động (6 giờ), tức là bằng thời gian lao động cần thiết thì chưa có sản xuất giá trị thặng dư, do đó tiền chưa biến thành tư bản.

## 7. Ví dụ

Có thể hiểu GTTD của C.Mác là phần chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và số tiền được có nhà tư bản bỏ ra.Trong quá trình kinh doanh, các nhà tư bản kinh doanh dưới hình thức tư liệu sản xuất sẽ gọi là tư bản bất biến và bỏ ra tiền để thuê mướn NLĐ gọi là tư bản khả biến.

*Ví dụ: Một người lao động làm việc trong một ngày được giá trị sản phẩm là 1 đồng. Nhưng đến ngày thứ hai trở đi, trên cơ sở sức lao động đã bỏ ra ở ngày thứ nhất, người lao động đó sẽ làm ra được 3 đồng. Số tiền chênh lệch đó chính là giá trị thặng dư sức lao động.*

## 8. Kết luận

Trong xu hướng phát triển kinh tế tri thức hiện nay, học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác vẫn giữ nguyên giá trị, chúng ta cần khai thác học thuyết giá trị thặng dư với tư cách là một hệ thống lý luận phong phú và sâu sắc về kinh tế thị trường nhằm vận dụng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế tri thức. Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác luôn là cơ sở lý luận cho sự vận dụng vào quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

# **III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tạp chí Cộng Sản

2. https://luathungson.vn/gia-tri-thang-du-la-gi.html

3. Tạp chí Công Thương

4. https://tuvanvietluat.com/gia-tri-thang-du-la-gi/

5. Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lenin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị )